

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
GHI TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN MÔN HỌC

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tâm lý học pháp lý		
Mã học phần:	71PSYJ40062	Số tín chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	241_71PSYJ40062_01, 241_71PSYJ40062_02		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
☐ Đề thi có sử dụng phần mềm riêng	GV ghi cụ thể tên phần mềm:		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024.**

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu): SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân tích đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp của Tâm lý học pháp lý	Tự luận	30%	1	3	PI1.2, PI2.3
CLO2	Phân tích những vấn đề tâm lý trong hoạt động điều tra, xét hỏi, trong xét xử và giáo dục cải tạo người phạm tội	Tự luận				
CLO3	Phân tích một số khía cạnh tâm lý của hành vi phạm tội	Tự luận	40%	2	4	PI1.2, PI2.3
CLO5	Vận dụng tâm lý trong hoạt động điều tra, xét hỏi, xét xử và giáo dục người phạm tội	Tự luận	30%	3	3	PI2.3

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng

của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (3 điểm)

Trình bày hiểu biết về quá trình thích nghi xã hội của người vừa chấp hành xong hình phạt tù trong hoạt động giáo dục, cải tạo.

Câu hỏi 2: (4 điểm)

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội xuất hiện những nhu cầu nào? Phân tích và cho ví dụ từ thực tiễn.

Câu hỏi 3: (3 điểm)

Khi bị can ngoan cố trong khai báo do có niềm tin vào khả năng che giấu hành vi phạm tội của bản thân, điều tra viên cần tác động tâm lý như thế nào?

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1	Trình bày hiểu biết về quá trình thích nghi xã hội của người chấp hành xong hình phạt tù trong hoạt động giáo dục, cải tạo.	3.0	
Nội dung a.	Là quá trình hình thành các phẩm chất tâm lý của nhân cách, trở thành chủ thể tích cực của xã hội.	0.5	
Nội dung b.	Đặc điểm: - Những mối quan hệ xã hội cần thiết được thiết lập và không có sai biệt đáng kể. - Hiện tượng phức tạp, đòi hỏi ý chí, phẩm chất đạo đức, nhận thức pháp luật.	1.0	
Nội dung c.	Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này: - Nhân cách của chủ thể. - Điều kiện, hoàn cảnh, môi trường xung quanh. - Quá trình giáo dục của trại cải tạo.	1.5	
Câu 2	Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội xuất hiện những nhu cầu nào? Phân tích và cho ví dụ từ thực tiễn.	4.0	
Nội dung a.	Nhu cầu của đối tượng sau khi thực hiện hoạt động phạm tội là những đòi hỏi mà đối tượng nhận thấy cần phải thỏa mãn trong điều kiện mới thực hiện xong hành vi phạm tội và cơ quan điều tra đang tiến hành hoạt động điều tra về hoạt động phạm tội của họ.	0.25	
Nội dung c.	- Nhu cầu giải tỏa trạng thái tâm lý lo lắng, căng thẳng: + Trạng thái lo lắng, căng thẳng là trạng thái tâm lý mang tính quy luật và người phạm tội có xu hướng tìm cách giải tỏa trạng thái này để quay về với trạng thái bình thường. + Các cách thức khác nhau để giải tỏa trạng thái lo lắng, căng thẳng của bản thân như: Thay đổi nhịp sống thường ngày; trốn khỏi địa bàn gây án; tăng cường tư duy, tìm cách che giấu hành vi phạm tội; tự ám thị bản thân; ra đầu thú; tìm cách tâm sự với người thân về hoạt động phạm tội; tìm cách khắc phục hậu quả; có thể tự sát...	0.75	
Nội dung d.	- Nhu cầu che giấu hành vi phạm tội: + Xuất hiện ở hầu hết các đối tượng. + Do nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả pháp lý, sợ bị phát hiện. + Tìm cách xóa dấu vết tại hiện trường, nguy tạo hiện trường, tạo chứng cứ ngoại phạm, chuẩn bị nội dung và cách thức khai báo, đe dọa người biết việc	1.0	

	- Nhu cầu thông tin: + Thông tin liên quan đến quá trình hoạt động phạm tội của đối tượng và hoạt động của cơ quan điều tra. + Yên tâm với việc che giấu hành vi phạm tội của bản thân hay cách thức đối phó với cơ quan điều tra + Tổng hợp thông tin, đánh giá tình hình, vạch ra phương án, chuẩn bị những hành động tiếp theo để che giấu hành vi phạm tội hay đối phó với cơ quan điều tra.	1.0	
Nội dung e.	Ví dụ minh họa: - Mô tả tình huống và đối tượng. - Phân tích các nhu cầu trong tình huống đó	1.0	
Câu 3	Khi bị can ngoan cố trong khai báo do có niềm tin vào khả năng che giấu hành vi phạm tội của bản thân, điều tra viên cần tác động tâm lý như thế nào?	3.0	
Nội dung a.	Điều tra viên cần tác động tâm lý bằng phương pháp ám thị trực tiếp (thông tin).	0.5	
Nội dung b.	Phương pháp ám thị trực tiếp là phương pháp mà điều tra viên sử dụng những thông tin liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, tác động đến bị can, làm thay đổi nhận thức của bị can, làm xuất hiện ở bị can những cảm xúc nhất định, đánh tan niềm tin vào khả năng che giấu hành vi phạm tội của bị can, từ đó làm cho bị can có sự chuyển đổi động cơ, dẫn đến khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của bị can và đồng bọn.	0.5	
Nội dung c.	- Thông tin phải chứng minh được điểm mâu chốt - Thông tin phải có yếu tố bất ngờ	1.0	
Nội dung d.	Yêu cầu: - Lựa chọn thời điểm, cách thức ám thị - Thận trọng trong việc chọn lựa thông tin. - Quan sát, ghi nhận diễn biến tâm lý của bị can khi bị ám thị. - Sau khi ám thị cần tiếp tục vận dụng các phương pháp tác động tâm lý khác.	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề


 TS. Phạm Văn Tuấn


 Nguyễn Nữ Bích Tuyền

Nguyễn Nữ Bích Tuyền